

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
- Nội dung: Các ngữ liệu ngoài sgk

Bài 1: SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN KỂ

1. Thần thoại

Nhận biết: 4 câu hỏi trắc nghiệm

- Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.
- Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.
- Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.
- Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.

Thông hiểu: 3 câu hỏi trắc nghiệm và 1 câu tự luận

- Hiểu và phân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại.
- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.

Vận dụng: 1 câu tự luận

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.

Vận dụng cao: 1 câu tự luận

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.
- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,... trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.
- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra.
- Vận dụng những hiểu biết để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm

*** Đề minh họa**

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

NỮ OA TẠO RA LOÀI NGƯỜI

Khi ấy, trời đất mới sinh, đã có cây cỏ, muôn thú mà chưa có loài người. Thế giới giống như một bức tranh buồn tẻ. Đi giữa thế giới hoang sơ, buồn tẻ ấy là vị đại thiên thần, chính là Nữ Oa. Lúc ấy, bà cảm thấy buồn chán, cô độc bèn nghĩ rằng cần phải tạo ra một cái gì đó cho thế giới này thêm vui tươi, giàu sức sống. Bà nghĩ ngợi hồi lâu, rồi đến bên đầm nước, lấy bùn đất màu vàng bên bờ đầm, trộn nhuyễn với nước, mô phỏng theo hình dáng của mình in bóng trên mặt nước mà nặn thành đồ vật xinh xắn, đáng yêu.

Lạ thay, vừa đặt xuống mặt đất, đồ vật xinh xắn ấy bỗng dựng có sức sống, cất tiếng nói trong trẻo, nhảy múa, vui đùa. Đồ vật xinh xắn ấy gọi là “Người”. “Người” được bàn tay nữ thần tạo ra, không giống các loài muông thú bởi được mô phỏng từ hình dáng của vị nữ thần. Nữ Oa vô cùng thích thú, hài lòng về sản phẩm do mình vừa tạo ra, bèn tiếp tục dùng đất bùn màu vàng hòa nhuyễn với nước nhào nặn ra rất nhiều người, trai có, gái có. Nhìn những con người vui đùa, cười nói xung quanh mình, Nữ Oa cảm thấy vui vẻ hẳn lên, không còn cô độc, buồn bã nữa.

Nhưng mặt đất hoang sơ vô cùng rộng lớn, bà làm việc không ngừng nghỉ trong một thời gian rất lâu mà mặt đất vẫn trống trải. Bà cứ miệt mài làm việc, làm tới lúc mỏi mệt lắm rồi mà mặt đất vẫn trống trải quá. Bà bèn nghĩ ra một cách, lấy một sợi dây, nhúng vào trong nước bùn, vung lên khắp phía. Người thì bảo bà dùng một sợi dây thừng, nhưng hỏi đó làm gì có dây thừng, có lẽ bà đã dùng một sợi dây lấy từ một loài cây dây leo. Khi bà vung sợi dây dính đầy thứ bùn từ đất vàng đó lên, các giọt bùn đất màu vàng bắn đi khắp nơi, rơi xuống đất liền biến thành người, cười nói, chạy nhảy. Thế là mặt đất trở nên đông đúc bao nhiêu là người.

(Trích “Nữ Oa”, Thần thoại Trung Quốc, Dương Tuấn Anh (sưu tầm, tuyển chọn) NXB Giáo dục Việt Nam, 2009).

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Xác định thể loại của văn bản trên:

- A. Cổ tích
- B. Truyền thuyết
- C. Thần thoại
- D. Sử thi

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

- A. Nghị luận
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Biểu cảm

Câu 3: Theo đoạn trích, nhân vật Nữ Oa xuất hiện trong bối cảnh (thời gian, không gian) như thế nào?

- A. Trời đất mới sinh, đã có loài người nhưng chưa có cỏ cây muôn thú.
- B. Trời đất mới sinh, đã có cỏ cây muôn thú, mà chưa có loài người.
- C. Trời đất mới sinh, chỉ có Nữ Oa cũng một số vị thần như thần Lửa, thần Nước.
- D. Trời đất mới sinh, có cỏ cây muôn thú và các vị thần Lửa, thần Nước.

Câu 4: Phương án nào sau đây đúng và đủ các sự kiện chính trong đoạn trích Nữ Oa?

- A. Nữ Oa tạo ra loài người.
- B. Nữ Oa bênh vực loài người, Nữ Oa trừng phạt thần Lửa và thần Nước.
- C. Nữ Oa yêu thương con người, Nữ Oa tạo ra loài người.
- D. Nữ Oa luyện đá vá trời, giúp đỡ loài người.

Câu 5: Đoạn trích Nữ Oa thể hiện nội dung nào dưới đây?

- A. Biết ơn người có công với cộng đồng.
- B. Tôn vinh người anh hùng.
- C. Thương xót con người bé nhỏ.
- D. Biết ơn thần linh và con người.

Câu 6: Dòng nào dưới đây không đúng với truyện Nữ Oa?

- A. Mang yếu tố hoang đường kỳ ảo
- B. Kết thúc truyện có hậu

C. Nhân vật có khả năng phi thường

D. Truyện được kể theo lời nhân vật

Câu 7: Nhân vật Nữ Oa hội tụ những vẻ đẹp gì?

A. Vẻ đẹp sức mạnh và cảm xúc

B. Vẻ đẹp thể chất và ước mơ

C. Vẻ đẹp trí tuệ và tình cảm

D. Vẻ đẹp sức mạnh và trí tuệ

Trả lời câu hỏi

Câu 8: Về phương diện thể loại, đoạn trích Nữ Oa giống đoạn trích nào đã học, và hãy chỉ những điểm giống nhau đó?

Câu 9: “Niềm tin thiêng liêng về một thế giới mà ở đó vạn vật đều có linh hồn” là một trong những vẻ đẹp của thần thoại. Theo anh/chị, niềm tin ấy còn có sức hấp dẫn với con người hiện đại không?

Câu 10: Anh chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

2. Truyện

Nhận biết: 4 câu hỏi trắc nghiệm

- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.
- Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu trong truyện.
- Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, câu chuyện trong truyện.
- Chỉ ra được nghệ thuật xây dựng nhân vật.

Thông hiểu: 3 câu hỏi trắc nghiệm và 1 câu tự luận

- Tóm tắt được cốt truyện và lí giải được ý nghĩa, tác dụng của cốt truyện.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện.
- Phân tích, đánh giá được đặc điểm của nhân vật và vai trò của nhân vật với việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.
- Phân tích, lí giải được chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

Vận dụng: 1 câu tự luận

- Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.

Vận dụng cao: 1 câu tự luận

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.
- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân.

*** Đề minh họa:**

I. ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

"Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiếm thóc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm, Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt. Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm du lều ở mã đề châu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tán vàng kiêu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc.

Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạng. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạng xua tay nói:

- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tôi mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên. Tử Hư bèn sấm rượu và thức nhắm, đứng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoát đã trở nên hiên hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng. Dương Trạng nói:

- Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liên nhật mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâm xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu lính giá ngài lên châu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên..."

(Trích *Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào*, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ, NXB Trẻ, 2016, tr.142)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích trên

- A. Truyện ngắn
- B. Tiểu thuyết
- C. Truyền kì
- D. Thơ văn xuôi

Câu 2. Theo đoạn trích, tính cách nào của Tử Hư được Dương Trạng răn đe và sửa đổi?

- A. Không ưa kiểm thúc
- B. Kiêu căng
- C. Nóng nảy
- D. Ngang bướng

Câu 3. Xác định các nhân vật giao tiếp trong đoạn trích trên

- A. Phạm Tử Hư, Dương Trạng
- B. Nguyễn Dữ, Dương Trạng
- C. Người kể chuyện, Dương Trạng
- D. Phạm Tử Hư, Dương Trạng, Nguyễn Dữ

Câu 4. Điều gì khiến Dương Trạng được Đức Đế quân khen là có bụng tốt và tâm xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng?

- A. Tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn.
- B. Toan chạy đến gần sụp lạy khi thấy Đức Đế.
- C. Giữ điều tín thực với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ.
- D. Giữ điều tín thực với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liên nhật mà đốt đi.

Câu 5. Từ Hán Việt "kiểm thúc" được hiểu nghĩa như thế nào?

- A. Tiết kiệm
- B. Kiểm chế bó buộc trong hoạt động.
- C. Hồi thúc, thúc dục.
- D. Kiểm chế cảm xúc cá nhân

Câu 6: Hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Ca ngợi phẩm chất cao quý của Tử Hư.
- B. Tạo ra sự sinh động, tạo hứng thú tăng tính hấp dẫn cho người đọc.
- C. Muốn bắt tử hóa nhân vật Dương trượng vì đã có những phẩm chất tốt.
- D. Cả B và C.

Câu 7. Ý nào khái quát nội dung chính của đoạn trích?

- A. Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của Dương Trạng và tình nghĩa thầy trò cao quý.
- B. Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của Tử Hư và tình nghĩa thầy trò cao quý.
- C. Phê phán những học trò không biết tôn sư trọng đạo.
- D. Nhấn nhủ mỗi cá nhân cần phải có đức tính tôn sư trọng đạo.

Trả lời câu hỏi:

Câu 8. Chi tiết khi Dương Trạng chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lễ ở mà để châu chực, sau ba năm rồi mới trở về cho thấy Phạm Tử Hư là người như thế nào?

Câu 9. Theo anh/chị tinh thần tôn sư trọng đạo được biểu hiện như thế nào?

Câu 10. Từ những hành động và tình cảm của Tử Hư dành cho người thầy của mình, anh /chị có suy nghĩ gì về truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta?

BÀI 2: VẼ ĐẸP CỦA THƠ CA

Nhận biết: 4 câu hỏi trắc nghiệm

- Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ.
- Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.
- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ
- Nhận biết được nhịp điệu, giọng điệu trong bài thơ.

Thông hiểu: 3 câu hỏi trắc nghiệm và 1 câu tự luận

- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.
- Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.
- Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

Vận dụng: 1 câu tự luận

- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do bài thơ gợi ra.
- Vận dụng những hiểu biết để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm

Vận dụng cao: 1 câu tự luận

- Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ.
- Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.

***Đề minh họa**

ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản:

CHÂN QUÊ

Nguyễn Bính

*Hôm qua em đi tỉnh về
Đợi em ở mãi con đê đầu làng
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng dũi nhuộm hời sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

Nói ra sợ mất lòng em
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa
Như hôm em đi lễ chùa
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh!
Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.
(Nguyễn Bính – Thơ và đời, NXB Văn học, 2003)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

- A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.
- C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.
- D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là

- A. nghị luận.
- B. tự sự.
- C. miêu tả.
- D. biểu cảm.

Câu 3. Văn bản trên được viết theo thể thơ gì?

- A. Lục bát.
- B. Bảy chữ.
- C. Tự do.
- D. Thất ngôn bát cú Đường luật.

Câu 4. Ý nào **đúng nhất** khi nói về nội dung hai câu thơ “*Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng/ Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi*”?

- A. Tác giả cảm thấy đau buồn, xót xa về sự thay đổi cách ăn mặc xa hoa, đua đòi, đánh mất vẻ đẹp giản dị của cô gái.
- B. Khăn nhung, quần lĩnh, áo cài khuy bấm là trang phục giản dị, truyền thống.
- C. Tác giả đau khổ vì cô gái đã thay đổi.
- D. Tác giả xao xuyến trước vẻ đẹp, cách ăn mặc mới mẻ của cô gái.

Câu 5. Nội dung chính của văn bản trên là

- A. Tình yêu đơn phương sâu sắc của chàng trai dành cho cô gái.
- B. Chàng trai đau khổ khi cô gái đã thay lòng, đổi dạ.
- C. Chàng trai ngỡ ngàng trước sự thay đổi và mong muốn người yêu hãy giữ lấy những nét đẹp thuần phác.
- D. Chàng trai bày tỏ sự quan tâm, yêu thương, lo lắng cho người con gái mình yêu.

Câu 6. Sử dụng phép liệt kê kết hợp với câu hỏi tu từ trong đoạn thơ “*Nào đâu cái yếm lụa sồi? Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân? Nào đâu cái áo tứ thân? Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*” có tác dụng:

- A. Nhấn mạnh sự thay đổi trong cách ăn mặc của cô gái.
- B. Nhấn mạnh tâm trạng xót xa, trách móc của chàng trai.
- C. Nhấn mạnh sự thay đổi trong cách ăn mặc của cô gái làm mất đi cái gốc mộc mạc, đằm thắm và tâm trạng xót xa, trách móc của chàng trai.
- D. Nhấn mạnh sự tiếc nuối của chàng trai vì cô gái đã không còn như trước.

Câu 7. Bài thơ gửi gắm thông điệp:

- A. Khuyên con người nên chạy theo những cái mới mẻ, hiện đại, không cần giữ gìn truyền thống.
- B. Mong muốn thiết tha giữ gìn vẻ đẹp truyền thống của quê hương và nét đẹp mộc mạc, đơn sơ, bình dị của con người.
- C. Luôn đề cao vẻ đẹp truyền thống.
- D. Đề cao sự chung thủy trong tình yêu đôi lứa.

Trả lời câu hỏi:

Câu 8: Qua bài thơ, anh/chị hiểu nghĩa của từ “*chân quê*” như thế nào?

Câu 9: Nêu khái quát tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 10: Từ bài thơ, anh/chị có suy nghĩ gì về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

- Hình thức kiểm tra: Tự luận

- Nội dung: Các ngữ liệu ngoài sgk

Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (Có thể một tác phẩm truyện hoặc một tác phẩm thơ - ngữ liệu ngoài sgk)

a. Các mức độ đánh giá

Nhận biết:

- Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,... của tác phẩm.
- Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.

Thông hiểu:

- Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.
- Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).

Vận dụng cao:

- Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.
- Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.

b. Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện

*** Mở bài:**

- Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhan đề, tên tác giả...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm.
- Chia sẻ với người đọc lí do bạn lựa chọn tác phẩm này để phân tích, đánh giá; điều khiến bạn yêu thích tác phẩm.

*** Thân bài:**

- Tóm tắt nội dung chính của truyện.
- Phân tích, đánh giá về chủ đề của truyện dựa trên cứ liệu dẫn ra từ tác phẩm.
- Phân tích, đánh giá những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. Mỗi phân tích, đánh giá đều cần có những chi tiết tiêu biểu được dẫn ra từ tác phẩm.

*** Kết bài:**

- Tóm lược các nhận định trong phần thân bài, khẳng định giá trị của tác phẩm, đưa ra một số ý tưởng mở rộng.

c. Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ

- **Mở bài:** Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ (tác giả, thời điểm ra đời, nơi xuất bản, đánh giá chung của dư luận,...) và nêu các vấn đề chính sẽ được tập trung phân tích trong bài viết.

- Thân bài

+ Mạch ý tưởng, cảm xúc của nhân vật trữ tình (nhân vật trữ tình muốn biểu đạt điều gì, thông qua hình tượng nào, với cái nhìn và thái độ ra sao...)

+ Sự phát triển của hình tượng chính (qua các khổ, đoạn trong bài) và tính độc đáo của những phương tiện ngôn từ đã được sử dụng (từ ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ,...)

+ Nét hấp dẫn riêng của bài thơ so với những sáng tác khác cùng đề tài, chủ đề, thể loại (của chính nhà thơ hoặc của những tác giả khác)

- **Kết bài:** Khẳng định giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của bài thơ, ý nghĩa của bài thơ đối với người viết bài nghị luận.

** Đề minh họa

Nắng mới

Lưu Trọng Lư

Mỗi lần nắng mới hắt bên sông

Xao xác gà trưa gáy náo nùng;

Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng.

Chập chờn sống lại những ngày không.

Tôi nhớ Mẹ tôi thuở thiếu thời,

Lúc Người còn sống, tôi lên mười;

Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,

Áo đỏ Người đưa trước giậu phơi.

Hình dáng Mẹ tôi chưa xóa mờ

Hãy còn mừng tượng lúc vào ra

Nét cười đen nhánh sau tay áo

Trong ánh trưa hè, trước dậu thưa

(Nắng mới – Trích Thi nhân Việt Nam, NXB Thanh Hóa, 2006, tr.283)

Anh/Chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) trình bày cảm nhận về hình ảnh người mẹ trong bài thơ trên.

NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

LÊ THỊ MAI

LƯƠNG THỊ YẾN